

SỰ PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XI

Ngô Thị Vân *

Tóm tắt nội dung: Sự phát triển quan điểm của Đảng ta về mô hình chủ nghĩa xã hội trong văn kiện Đại hội XI thể hiện rõ ở 8 đặc trưng cơ bản đó là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân lao động làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Qua gần 30 năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn. Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam do Đảng ta khởi xướng từ Đại hội VI với nhiệm vụ hàng đầu nhất là đổi mới tư duy lý luận, trong đó đổi mới nhận thức về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa: thay thế mô hình Chủ nghĩa xã hội Xô Viết (đã từng áp dụng ở Việt Nam) bằng mô hình cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện cụ thể ở nước ta đã và đang đòi hỏi câu trả lời đúng đắn, đầy đủ, thiết thực với Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

Mô hình được quan niệm là hình thức diễn đạt khái quát các đặc trưng chủ yếu của một đối tượng, để phục vụ nghiên cứu đối tượng ấy. Từ mô hình, trong chỉ đạo thực tiễn người ta đi “mô hình hóa” các khách thể, đối tượng nghiên cứu. Trong các mô hình, hệ thống được mô tả thông qua các đặc trưng cơ bản của nó. Với ý nghĩa đó, tìm hiểu tư duy của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội

* Bộ môn LLCT, KHXH&NV – Trường Cao đẳng CSND II.

chủ nghĩa là tìm hiểu những đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bởi đặc trưng của một chế độ xã hội là tổng hợp những nét riêng biệt của các yếu tố hợp thành, được xem là dấu hiệu để phân biệt chế độ xã hội này với chế độ xã hội khác. Đồng thời, việc tìm hiểu về mô hình chủ nghĩa xã hội cũng để trả lời cho câu hỏi chủ nghĩa xã hội là gì? Nó có đặc trưng như thế nào? Câu hỏi đó đã được Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, rõ ràng hơn trong quá trình đổi mới đất nước.

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng ta về mô hình Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được trình bày trong nhiều Văn kiện của Đảng, song tập trung nhất là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6/1991) và Văn kiện Đại hội X (4/2006) và Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011).

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) trên cơ sở tổng kết thực tiễn 5 năm đầu của đổi mới từ Đại hội VI, Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991).

Lần đầu tiên trong Cương lĩnh 1991 đã đưa ra 6 đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa đó là: “Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”.

Những đặc trưng đó vừa thể hiện tính phổ biến theo học thuyết Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện tính đặc thù dân tộc, có tính đến những đặc điểm của thời đại; có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Những đặc trưng này là những đặc trưng bản chất để nhận biết về chủ nghĩa xã hội và là những nét phác thảo cơ bản về mô hình chủ nghĩa nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ sáu đặc trưng trên có thể thấy nhận thức mới của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã thể hiện những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, xác định vai trò làm chủ của xã hội xã hội chủ nghĩa là nhân dân lao động. Nhân dân lao động không chỉ có vị thế mà còn có năng lực để làm chủ

xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, quần chúng nhân dân lao động được giải phóng và có điều kiện phát triển toàn diện.

Thứ hai, lực lượng sản xuất phát triển cao là điều kiện, tiền đề để tăng năng suất lao động, tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, để nhân dân lao động được hưởng những thành quả do sức lao động của mình đòi hỏi phải thực hiện chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Bởi vì, đó là điều kiện để thực hiện những lợi ích kinh tế cơ bản. Chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu là bản chất kinh tế của chủ nghĩa xã hội, là cơ sở bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ về kinh tế.

Thứ ba, khi xác định xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đặt con người vào trung tâm của sự phát triển. Vì về bản chất, văn hóa là những hoạt động sáng tạo của con người hướng tới những giá trị nhân văn, nhân bản, là khát vọng hướng tới cái Chân, Thiện, Mỹ nhằm hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội. Nói tới văn hóa là nói tới con người, do vậy phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển chính là phát huy những năng lực, bản chất của con người. Đó là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững của đất nước.

Thứ tư, Đảng ta coi xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vì chỉ có đoàn kết chúng ta mới tập trung được con người với sức mạnh trí tuệ, sức sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, nhân cách cao đẹp,... vào quá trình phát triển đất nước. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn hạn hẹp, trong khi đó nguồn lực con người Việt Nam lại vô cùng phong phú, nếu biết phát huy nó sẽ trở thành nguồn lực to lớn cho sự phát triển bền vững. Đảng ta coi đoàn kết là chiến lược cách mạng vì mục tiêu chung của dân tộc chứ không nhằm phục vụ cho lợi ích của riêng một giai cấp, tầng lớp nào. Vì vậy, xây dựng khối đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhận định về bối cảnh thời đại, Đại hội XI của Đảng (2011) một lần nữa tiếp tục khẳng định: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trong đó có sự bổ sung và phát triển thêm nhiều điểm mới về mô hình của chủ nghĩa xã hội so với Cương lĩnh năm 1991. Kế thừa mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa của Đại hội X, cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm

2011) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (1/2011) thông qua đã xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân lao động làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Chúng ta có thể thấy, so với Cương lĩnh năm 1991 và Văn kiện Đại hội X, sự phát triển nhận thức Đảng về mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những điểm mới sau:

Thứ nhất, có thêm hai đặc trưng: Đặc trưng về mục tiêu tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và đặc trưng “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hai đặc trưng này, Đại hội X đã bổ sung. Điểm mới so với Đại hội X là chuyển từ “dân chủ” lên trước “công bằng” trong đặc trưng tổng quát, bởi vì, cả lý luận và thực tiễn đều chỉ rõ, dân chủ là điều kiện, tiền đề của công bằng, văn minh. Việc thực hiện đầy đủ những nội dung của đặc trưng này là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, đặc trưng kinh tế: Cương lĩnh 1991 diễn đạt đặc trưng này là có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Từ thực tiễn đổi mới, Đại hội X đã sửa lại và trong cụm từ chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu bằng cụm từ quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Sau Đại hội X vẫn còn có ý kiến tranh luận về vấn đề này. Có ý kiến cho rằng bỏ chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu là dọn đường cho tư hữu hóa, là từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Nên trong dự thảo Cương lĩnh trình Đại hội XI đã lấy lại quan điểm của Cương lĩnh 1991, tức là có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Tại Đại hội XI, đa số các đại biểu cho rằng diễn đạt như Đại hội X là đúng và bổ sung chữ “tiên bộ” và bỏ cụm từ: “với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”.

Như vậy, việc xác định về đặc trưng kinh tế như Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) là sự kế thừa, bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Đồng thời, cách diễn đạt của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng thể hiện bước phát triển, cụ thể hóa hơn so với Đại hội X: Nội hàm của phạm trù “phù hợp” rộng hơn; bổ sung tính chất “tiến bộ” cho quan hệ sản xuất.

Thứ ba, đặc trưng con người, Cương lĩnh năm 1991 xác định: Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) không dùng cụm từ con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Sở dĩ như vậy là vì, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công. Quá trình bảo đảm cho con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cũng là quá trình xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công và tạo ra những điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội để phát triển toàn diện con người. Đặc trưng này đã phản ánh sâu sắc quan điểm của Đảng ta về con người là trung tâm của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội hướng tới giải phóng con người nhằm phát triển mọi tiềm năng của con người. Đây cũng chính là thể hiện bản chất nhân văn chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, đặc trưng dân tộc, Cương lĩnh năm 1991 xác định: Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: “Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển”. Ở đây, Đảng ta không dùng cụm từ các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam là vì, Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước, xây dựng một cộng đồng dân tộc thống nhất. Mặt khác, cộng đồng dân tộc Việt Nam còn bao gồm cả đồng bào ta đang định cư ở nước ngoài. Hiện nay, người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài có khoảng trên 4 triệu người. Đây là một bộ phận quan trọng của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Với cách diễn đạt như vậy là để khơi dậy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên đồng bào

Việt Nam định cư ở nước ngoài hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước, đóng góp cho Tổ quốc.

Thứ năm, đặc trưng về hợp tác quốc tế, Cương lĩnh 1991 xác định: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) đã mở rộng thành “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) không dùng cụm từ nhân dân tất cả các nước mà dùng cụm từ các nước. Đây là sự phát triển tư duy mới của Đảng về đối ngoại, phát huy truyền thống hòa hiếu, nhân ái, hữu nghị, hợp tác văn minh của nền ngoại giao Việt Nam. Đảng ta dùng cụm từ các nước ở đây đã bao hàm cả Nhà nước và nhân dân các nước trong đó, đồng thời là để chỉ các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau, có điểm xuất phát về kinh tế, chính trị, xã hội không giống nhau, thậm chí mục tiêu tiến lên khác nhau nhưng vẫn có thể tìm thấy những tiếng nói chung trên nhiều vấn đề mà mỗi nước quan tâm, trên cơ sở giữ vững nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, khai thác tốt nhất những yếu tố quốc tế thuận lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, khai thác tốt nhất những yếu tố quốc tế thuận lợi phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, chỉ rõ quan hệ ngoại giao của nước ta không chỉ là hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước mà còn bao gồm cả ngoại giao nhân dân, các đoàn thể, các hội, các doanh nghiệp với các đối tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định ngày càng rõ hơn và ngày càng được hiện thực hóa trong cuộc sống. Có thể thấy rằng, sự nhận thức về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa của Đảng ta là một quá trình, vừa là sự phản ánh, tổng kết kinh nghiệm vừa là quá trình vươn lên định hướng cho thực tiễn đổi mới. Từ những phác thảo đầu tiên được thể hiện trong Cương lĩnh năm 1991, mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta phấn đấu xây dựng gồm 6 đặc trưng. Qua quá trình bổ sung, phát triển từ Đại hội VIII đến đại hội XI của Đảng, đặc biệt Đại hội X đã bổ sung vào mô hình chủ nghĩa xã hội thêm hai đặc trưng mới. Đến Cương lĩnh bổ sung, phát triển 2011, Đảng ta đã nhận thức rõ hơn về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với tám đặc trưng với một số nhận thức mới hơn so với tám đặc trưng ở Đại hội X đã đề ra. Đến đây, mô hình chủ nghĩa xã

hội ở nước ta đã được định hình rõ nét. Mô hình đó bao quát toàn bộ những giá trị tốt đẹp, thể hiện đúng bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Được vận dụng và phát triển sáng tạo cho phù hợp với các điều kiện Việt Nam, thể hiện khát vọng cao đẹp, lý tưởng nhân văn của con người, văn hóa, dân tộc Việt Nam. Những đặc trưng thể hiện các yếu tố tạo nên mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được thể nghiệm, đúc kết qua thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ ở Việt Nam mà của nhiều nước trên thế giới. Các yếu tố của mô hình này cũng đã được bổ sung và phát triển tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của suốt quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với 11 kỳ Đại hội của Đảng. Với quan điểm biện chứng của sự phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng trên là một mô hình mới; nó đúng và phù hợp với hiện tại, song có thể không đáp ứng đầy đủ đòi hỏi của tương lai, cho nên nó cần không ngừng được đổi mới, bổ sung và phát triển vì mục tiêu cuối cùng là một xã hội xã hội chủ nghĩa đích thực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. *Sức sống của chủ nghĩa Mác – Lênin trong thời đại ngày nay*, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia, tr.451 – 456.
5. Đinh Xuân Lý (2011), *Nhận diện mô hình phát triển xã hội tổng thể ở nước ta (qua Cương lĩnh bổ sung, phát triển 2011)*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 5.